

Bản án số: **18/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/3/2022

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tâm**

2. Ông **Nông Trung Kiên**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Đức Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thùy L** - Sinh năm: 1996; Nơi ĐKKHKT: C17A, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 54, tổ dân phố 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi công tác: Công ty cổ phần Sản xuất vật liệu gạch tuyn len Công nghệ cao Đ (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Đào Ngọc H** - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Đội 4A (Nay Thôn V), xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lê Thùy L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh Đào Ngọc H kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2019 tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chị L, anh H chung sống với nhau tại C17, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho đến tháng 8/2021 thì chị L về ở với bố

mẹ đẻ chị L. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được 08 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng tính cách và quan điểm sống, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, không chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng sút mẻ và không có hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2021 cho đến nay. Vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H bởi chị L không còn tình cảm với anh H.

- *Về con chung*: Chị L, anh H có 01 con chung là Đào Nhật M - sinh ngày 01/11/ 2019, tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/10/2021 và tại phiên hòa giải ngày 07/12/2021 chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu M 1 tháng là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2022. Tại bản tự khai ngày 01/3/2022 và tại phiên tòa chị L xin tự nguyện rút yêu cầu này và không yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cháu M nữa. Về thu nhập hiện nay của chị L tại Công ty cổ phần Sản xuất vật liệu gạch tuy len Công nghệ cao Đ được 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*)/1 tháng, chị L đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 24/11/2021, biên bản hòa giải ngày 07/12/2021 bị đơn anh Đào Ngọc H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh H và chị L có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/3/2019 tại UBND xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc từ sau khi kết hôn đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến xung đột vợ chồng xảy ra xô sát, nhưng theo anh H những nguyên nhân này chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ vì anh H vẫn còn tình cảm với chị L.

- *Về con chung*: Anh H, chị L có 01 con chung là Đào Nhật M - sinh ngày 01/11/ 2019. Nếu phải ly hôn anh H nhất trí để cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M cho đến cháu L đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh H không nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu M 1 tháng là 3.500.000 đồng như chị L yêu cầu, nếu phải ly hôn thì việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu: Đào Nhật M - sinh ngày 01/11/2019 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động. Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 chị Lê Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

** Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Đối với vi phạm của bị đơn làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài. Yêu cầu bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lê Thùy L và anh Đào Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh H vẫn không đến tham gia phiên hòa giải lần hai và tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh H không ảnh hưởng đến việc xét xử và anh H đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, cả hai anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Chị L cho rằng nguyên nhân là do bất đồng tính cách và quan điểm sống, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, không chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng sút mẻ, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 01/11/2021 của chị Lê Thùy L có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 38, 39). Anh H cho rằng nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến xung đột vợ chồng xảy ra xô sát, nhưng theo anh H những nguyên nhân này chưa đến mức phải ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương được biết cuộc sống chung của anh H, chị L thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh chị đã sống ly thân với nhau nhiều lần rồi lại quay về chung sống với nhau, hiện tại chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Vì những lý do trên mà chị L tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh H, còn anh H không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị L.

Xét thấy, sau lần hòa giải ngày 07/12/2021 Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị L và anh H hòa giải lần 02 vào ngày 21/01/2022 nhưng anh H không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh H chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ.

Mặt khác, mâu thuẫn trên của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị L và anh H vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị L và anh H có 01 con chung là Đào Nhật M - sinh ngày 01/11/ 2019. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà và chị L đều không có tranh chấp về việc nuôi con chung cụ thể: Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; tại bản tự khai ngày 24/11/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2021 anh H nhất trí cho cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M cho đến cháu M đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/10/2021 và tại phiên hòa giải ngày 07/12/2021 chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu M 1 tháng là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 01/3/2022 và tại phiên tòa chị L xin tự nguyện rút yêu cầu này và không yêu cầu anh Đào Ngọc H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu M nữa. Về thu nhập hiện nay của chị L tại Công ty cổ phần Sản xuất vật liệu gạch tuyn len Công nghệ cao Đ được 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)/1 tháng, chị L đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con chung của chị L và anh H Hội đồng xét xử cần giao con chung là cháu M cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

**) Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Lê Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thùy L được ly hôn với anh Đào Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Nhật M - sinh ngày 01/11/2019 cho chị Lê Thùy L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình chị L không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh H.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Lê Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0004832 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lê Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/3/2022). Anh Đào Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Yên, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện DB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

